

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26-4-2023  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Hoàng Hân.

Ông Lê Quang Đầy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm TNC, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm SP, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn năm 2011 và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND thị trấn Năm Căn. Trong quá trình chung sống cho đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M không lo lắng cho gia đình, thường hay bỏ nhà ra đi, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng nên khởi kiện xin ly hôn với anh M.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P sinh ngày 21/9/2012 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Vợ anh cương quyết ly hôn nên anh đồng ý mặc dù anh muốn hàn gắn. Nay Anh đồng ý ly hôn với vợ vì mâu thuẫn bất đồng, không hàn gắn được.

Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục giao con tên Nguyễn Tấn P sinh ngày 21/9/2012 cho chị D nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh bận công việc gia đình nên xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị D và anh M vắng mặt có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị D tự nguyện kết hôn năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Năm Căn vào ngày 20/3/2013 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị D xác định mâu thuẫn trầm trọng và yêu cầu ly hôn với anh M. Yêu cầu ly hôn của chị D được anh M đồng ý vì anh xác định không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy, quá trình chung sống anh chị cùng xác định có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên thuận tình ly hôn với nhau. Việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, trên cơ sở nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P sinh ngày 21/9/2012 hiện do chị D nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con. Do vậy, cần giao con cho chị D nuôi dưỡng là có cơ sở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị D không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 81; khoản 1, 2

Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Tấn P sinh ngày 21/9/2012 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị D phải chịu 300.000 đồng, chị D đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0013888 ngày 20/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Năm Căn Giang (nơi ĐKKH);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Quốc Kiên**